TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Đương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Huệ**

2. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Bích Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang (nay là: Số C ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang).

- *Bị đơn:* Ông **Võ Minh H**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:*

Bà và ông Võ Minh H do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (cũ) nhưng không có tổ chức đám cưới theo truyền thống. Bà đã nhiều lần đề nghị tổ

chức đám cưới và cùng sống chung nhưng ông H không đồng ý dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay bà xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Minh H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Minh H vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày:*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật quy định về vấn đề đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, bà N và ông H không chung sống với nhau. Bà N xác định việc không chung sống cùng nhau đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và hiện tại không thể hàn gắn.

Về phía bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí để tiếp tục duy trì đối với cuộc hôn nhân này. Xét thấy, mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn hiện nay chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Ghi nhận ý kiến trình bày của nguyên đơn là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến trình bày của nguyên đơn là không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Kim N được ly hôn với ông Võ Minh H.

- Về con chung: Ghi nhận ý kiến trình bày của nguyên đơn là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000673 ngày 17/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Cần Thơ) thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV 4-Cần Thơ;
- Phòng THADS KV4-Cần Thơ;
- UBND xã Cờ Đỏ, Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đương